



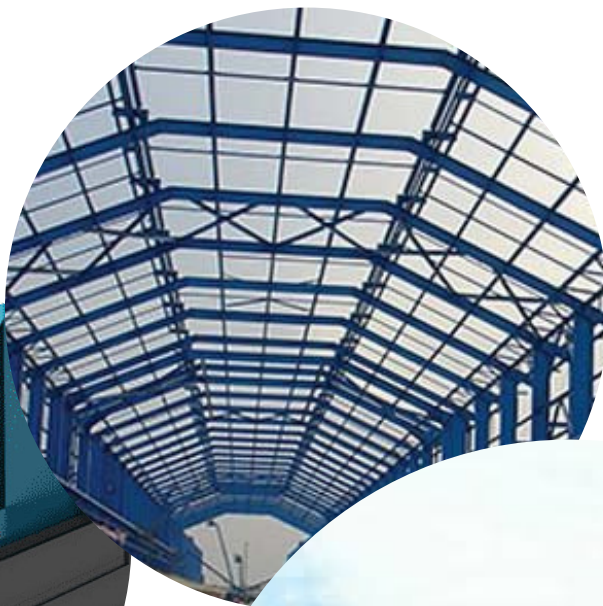
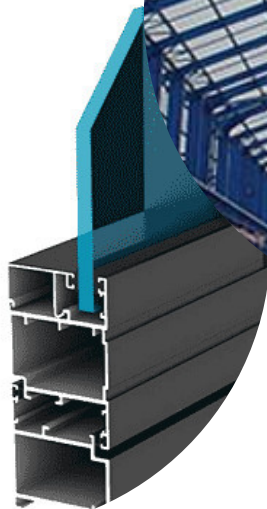
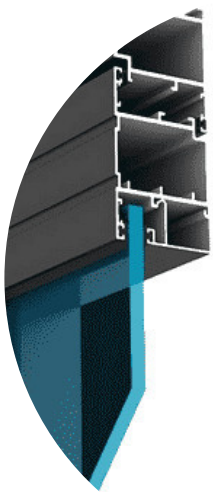
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC & KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG

TRẦN MINH

**DUNG DỊCH TẮY RỬA
LỚP SƠN BỘT TĨNH ĐIỆN**

TM-PCS.03

POWDER COATING STRIPPER





MSDS

PHIẾU AN TOÀN DUNG DỊCH TẮY RỬA LỚP SƠN BỘT TÍNH ĐIỆN
MATERIAL SAFETY DATA SHEET FOR POWER COATING STRIPPER

I. Nhận biết sản phẩm và thông tin nhà sản xuất

Chemical Product and Company Identification

<p>Phiếu an toàn DUNG DỊCH TẮY RỬA LỚP SƠN BỘT TÍNH ĐIỆN Safety data sheet for power coating stripper</p>	
--	---

1. Nhận dạng sản phẩm/ Identification

Tên sản phẩm	: Dung dịch tẩy rửa lớp sơn bột tính điện
<i>Product name</i>	: <i>Power coating stripper</i>
Mã sản phẩm	: TM.PCS-03
<i>Product model</i>	: <i>TM.PCS-03</i>
Mục đích sử dụng	: TM.PCS-03 dùng để tẩy rửa lớp sơn bột tính điện trên bề mặt các loại vật liệu khác nhau: Hợp kim nhôm, hợp kim kẽm, thép, antimony (stibium),...
<i>Product use</i>	: <i>TM.PCS-03 is applied for powder coating stripping on different materials: aluminium alloy, zinc alloy, steel, antimony (stibium),...</i>

2. Thông tin công ty/ Company information

Tên công ty	: Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật môi trường Trần Minh
<i>Company name</i>	: <i>Tran Minh Environmental Science and Engineering Company limited (TME)</i>
Địa chỉ	: 156 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng
<i>Address</i>	: <i>156 Le Dinh Ly St., Vinh Trung Ward, Thanh Khe Dist., Da Nang City</i>
Website	: www.wm-vd.com
Email	: wm@wm-vd.com
Hotline	: 097 39 111 57

II. Thông tin về thành phần các chất

Composition/ Information on ingredients

Tên thành phần <i>Name</i>	Ký hiệu <i>Model</i>	Hàm lượng (% theo trọng lượng) <i>(% by weight)</i>
Chất làm mềm hóa polymer trung tính (không có tính axit và bazo mạnh) <i>Polymer neutral softener (neither acidic nor basic)</i>	TM-RP.06	20 - 80%
Dung môi hữu cơ có chứa nhóm chức hydroxy <i>Organic solvent with hydroxy group</i>	TM-RP.07	02 - 30%
Chất hoạt hóa bề mặt <i>Surface activating matter</i>	TM-RP.08	05 - 45%

Dung dịch TM-PCS.03 có mùi thơm không màu, dễ bay hơi (Hơi của TM-PCS.03 không làm tổn hại tầng ozone).
Solution TM-PCS.03 has aromatic smell, is colourless and volatile (Its vapour is not harmful to ozone layer).

III. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất *Hazards Identification*

1. Cảnh báo nguy hiểm/ *Warning*

- Tránh xa tầm tay trẻ em
Keep out of reach of children
- Khi bị dung dịch dính vào người, rửa ngay bằng nhiều nước
When contacting with the solution, wash with plenty of water.

2. Các đường tiếp xúc và triệu chứng/ *Routes of exposure and symptoms*

- Đường mắt : Kích ứng mắt
Eye contact Irritation of eyes
- Đường da : Dung dịch sẽ gây bỏng da nhẹ
Skin contact The solution can causes light skin burn
- Đường tiêu hóa : Có hại nếu nuốt
Ingestion Harmful if swallowed
- Đường hô hấp : Nồng độ cao có thể gây kích ứng khoang mũi và hệ hô hấp, ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương như: đau đầu, chóng mặt và buồn nôn.
Inhalation High concentrations may cause nasal and respiratory irritation and central nervous system effects such as headache, dizziness and nausea.

IV. Biện pháp sơ cứu *First aid measures*

- Đường mắt : Rửa với nước sạch ít nhất 02 phút. Đưa đến trung tâm y tế nếu mắt vẫn còn kích ứng.
Eyes Flush with clean water for at least 02 minutes. Seek medical attention if eye irritation persists.
- Đường da : Giặt sạch quần áo bẩn trước khi sử dụng lại. Rửa sạch da với nước, sau đó rửa lại bằng xà phòng và nước. Đưa đến trung tâm y tế nếu da vẫn còn kích ứng.
Skin Remove contaminated clothing and wash before re-using. Flush skin with water, and then with soap and water. Seek medical attention if skin becomes irritated.
- Đường tiêu hóa : Không được gây nôn, cho bệnh nhân uống 01 - 02 ly nước nếu còn tỉnh táo và có thể nuốt, rồi chuyển họ đến trung tâm y tế.
Ingestion Give 01 or 02 glasses of water if patient is alert and able to swallow. Do not induce vomiting. Immediately seek medical attention.
- Đường hô hấp : Đưa bệnh nhân đến nơi thoáng khí và hô hấp nếu cần thiết, rồi đưa ngay đến trung tâm y tế hoặc gọi cho trung tâm kiểm soát chất độc.
Inhalation Remove person to fresh air and assist breathing as needed. Seek medical attention or call a poison control center.

V. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn *Fire fighting measures*

- Phương tiện chữa cháy : Sử dụng phương tiện chữa cháy thích hợp cho đám cháy. Mặc dù TM-PCS.03 không thuộc nhóm chất dễ cháy.
Extinguishing media Use media suitable for surrounding fire. Although TM-PCS.03 does not represent a serious flammability hazard.
- Phòng ngừa về môi trường : Thông gió cho khu vực sử dụng nếu cần thiết
Ventilate the area using if necessary

Environmental precautions

- Đồ bảo hộ : Công nhân phải đeo kính bảo vệ, găng tay cao su và quần áo bảo hộ trong khi thao tác.
Protective clothing : During working with basin, worker must wear protective glasses, rubber gloves and protective clothing.

VI. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố *Accidental release measures*

- Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Nhân viên phải bảo vệ bằng cách tránh hít và tiếp xúc với dung dịch trong lúc lau chùi. Các vị trí rò rỉ cần được dọn dẹp ngay để tránh lây lan.
Small spill: Clean up personal should protect against mist inhalation and skin contact. Spills should be cleaned up immediately to prevent spreading
- Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Sơ tán tất cả nhân viên không được bảo vệ đến các khu vực có gió. Chứa và thu gom chất lỏng bằng chất hấp thụ trơ rồi cho vào thùng để thải bỏ. Làm sạch khu vực tràn triệt để. Báo cáo sự cố tràn cho cơ quan chức năng theo yêu cầu.
Large spill: Evacuate all unprotected personnel to upwind areas. Contain and collect liquid with an inert absorbent and place in a container for disposal. Clean spill area thoroughly. Report spills to authorities as required.

VII. Xử lý và bảo quản *Handling and storage*

1. Thận trọng trong việc bảo quản

Precautions for Safe Handling

- Tránh tiếp xúc với mắt.
Avoid contact with eyes.
- Tránh tiếp xúc lâu với da.
Avoid prolonged contact with skin.
- Chỉ sử dụng với thông gió đầy đủ. Rửa kỹ bằng xà phòng và nước sau khi xử lý.
Use only with adequate ventilation. Wash thoroughly with soap and water after handling.
- Tránh xa tầm tay trẻ em.
Keep out of the reach of children.
- Không chọc thủng, nghiền nát hoặc đốt thùng chứa, kể cả thùng rỗng.
Do not puncture, crush or incinerate containers, even when empty.

2. Điều kiện lưu trữ an toàn

Conditions for Safe Storage

Bảo quản ở khu vực thoáng mát, thông gió tốt, tránh xa các vật liệu không tương thích.

Store in a cool, well-ventilated area, away from incompatible materials

VIII. Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân *Exposure Controls/Personal Protection*

- Kiểm soát kỹ thuật: Sử dụng hệ thống thông gió cục bộ.
Engineering Controls: Use local exhaust ventilation.
- Bảo vệ cá nhân/ *Personal Protection*
Găng tay cao su, kính bảo hộ, mặt nạ phòng độc. Đảm bảo sử dụng mặt nạ phòng độc đã được phê duyệt / chứng nhận hoặc loại tương đương.
Rubber gloves, goggles, mask. Be sure to use an approved/certified respirator or equivalent.

IX. Đặc tính lý, hóa của sản phẩm *Physical and Chemical Properties*

- Trạng thái: lỏng
Status: liquid
- Khối lượng riêng: 1.23kg/L
Specific weight: 1.23kg/L
- pH: 3.1

X. Độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất *Stability and Reactivity*

- Khả năng phản ứng: Không phản ứng trong điều kiện bình thường
Reactivity: Not reactive under normal conditions
- Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm: Không có khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm
Possibility of Hazardous Reactions: Inability to hazardous reactions
- Tính ổn định hóa học: Ổn định
Chemical Stability: Stable

XI. Thông tin về độc tính *Toxicological Information*

- Tiếp xúc qua đường hô hấp: Nồng độ cao có thể gây kích ứng mũi và hệ hô hấp, ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương như: đau đầu, chóng mặt và buồn nôn.
Inhalation: High concentrations may cause nasal and respiratory irritation and central nervous system effects such as headache, dizziness and nausea.
- Tiếp xúc qua da: Dung dịch sẽ gây bỏng da nhẹ
Skin contact: The solution can causes light skin burn.
- Tiếp xúc qua mắt: Tiếp xúc có thể gây khó chịu cho mắt. Gây đỏ mắt và chảy nước mắt.
Eye contact: Contact may be irritating to eyes. May cause redness and tearing.
- Tiếp xúc qua đường tiêu hóa: Nuốt có thể gây kích ứng đường tiêu hóa, buồn nôn, nôn mửa.
Ingestion: Swallowing may cause gastrointestinal irritation, nausea, vomiting.

XII. Thông tin về sinh thái *Ecological information*

- Độc tính với hệ sinh thái:
Ecotoxicity:
Hiện chưa có dữ liệu cụ thể về độc tính đối với thủy sản, tuy nhiên các thành phần của sản phẩm này là không gây hại cho các sinh vật dưới nước ở nồng độ thấp.
No specific aquatic toxicity data is currently available, however components of this product are not expected to be harmful to aquatic organisms at low concentrations.
- Đối với tầng ozone:
Hơi của dung dịch không làm tổn hại đến tầng ozone .
Its vapour is not harmful to ozone layer
- Các tác dụng ngoại ý khác: Chưa biết
Other Adverse Effects: None known

XIII. Yêu cầu trong việc thải bỏ
Disposal considerations

- Xử lý chất thải: Chất thải phải được xử lý theo các quy định về kiểm soát môi trường của địa phương.
Waste Disposal: Waste must be disposed of in accordance with federal, state and local environmental control regulations.
- Để dung dịch tự bay hơi ở nơi thoáng gió. Các chất trong dung dịch dễ bị phân hủy trong không khí.
Let the solution evaporate on its own in a well-ventilated place. The substances in solution dissolve easily in the air.

XIV. Yêu cầu trong việc vận chuyển
Transportation information

- Yêu cầu đặc biệt cho việc vận chuyển: Tránh ánh nắng trực tiếp, tránh va chạm, không để vật nặng đè lên can chứa. Đậy kín, chống bay hơi.
Special Provisions for Transport: Avoid direct sunshine, avoid collision, avoid heavy object on the container.
Close tightly avoiding evaporation.

XV. Thông tin khác
Other information

- Ngày tháng biên soạn phiếu:
Created: 28/04/2021
- Soạn thảo bởi: Công ty TNHH Khoa học & Kỹ thuật môi trường Trần Minh
Prepared by: Tran Minh Environmental Science and Engineering Company limited (TME).

1. Xuất xứ/ Origin

Dung dịch TM-PCS.03 được nghiên cứu và sản xuất bởi công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật môi trường Trần minh (TME).

Solution TM-PCS.03 has been researched and produced by Tran Minh Environmental Science and Engineering Company limited (TME).

2. Thành phần/ Composition

Dung dịch TM-PCS.03 được sản xuất từ các thành phần sau:

TM-RP.06 : Chất làm mềm hóa polymer trung tính (không có tính acid và base mạnh)

Polymer neutral softener (neither acidic nor basic)

TM-RP.07 : Dung môi hữu cơ có chứa nhóm chức hydroxy

Organic solvent with hydroxyl group

TM-RP.08 : Chất hoạt hóa bề mặt

Surface activating matter

Dung dịch TM.PCS.03 có mùi thơm, không màu, dễ bay hơi (Tuy nhiên, hơi của TM.PCS-03 không làm tổn hại tầng Ozone).

Solution TM-PCS.03 has aromatic smell, is colourless and volatile (Its vapour is not harmful to ozone layer).



3. Công năng/ Performance

TM-PCS.03 dùng để tẩy rửa lớp sơn bột tĩnh điện trên bề mặt các loại vật liệu khác nhau: hợp kim nhôm, hợp kim kẽm, thép, antimony (stibium),...

TM-PCS.03 is applied for powder coating stripping on different materials: aluminium alloy, zinc alloy, steel, antimony (stibium), etc.

Khi sử dụng, đổ dung dịch TM.PCS-03 vào bồn chứa (Vật liệu kính, gốm, nhựa từ số 5 trở lên, composite). Ngâm chi tiết ngập vào trong dung dịch trong vòng 15-30 phút. Sau đó lấy ra.

Pour TM.PCS-03 to container (Material of glass, ceramic, plastic number 5 plus, composite). Submerge product in the solution and be kept for 15-30 minutes. Take the product out.

Định lượng dung dịch xử lý: 1L dung dịch TM.PCS-03 có khả năng xử lý 0,8 - 0,9m² bề mặt chi tiết.

Dose for stripping: 1 litre of TM-PCS.03 can remove 0.8 - 0.9m² of product.

Khi cần sử dụng số lượng ít hơn, lắc đều trước khi chiết rót.

When less amount of the solution is required, shake well before pouring.

4. Thông tin đóng gói, bảo quản/ Packing and storage info

Bao bì/ *Packing* : Can nhựa 20L/ *Plastic can 20L*

Trọng lượng tịnh/ *Net weight* : 20kg

Bảo quản/ *Storage* : Nơi khô thoáng, <35°C/ *Stored in cool & dry place < 35°C*

Hạn sử dụng/ *Shelf Life* : 6 tháng kể từ ngày sản xuất/ *6 months from production date*

Vui lòng xem tham khảo thêm tài liệu hướng dẫn an toàn (MSDS) để biết thêm thông tin lưu kho, bảo quản và sử dụng sản phẩm an toàn và hiệu quả.

Before using this product please consult our Material Safety Data Sheet (MSDS) for information on safe handling and storage.